

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

Tập 72

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 26 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 62, hàng thứ 2 từ dưới lên:

“B. Cùng loại. Hễ kinh điển nào đề xướng nhớ niệm Di-đà, nguyện sanh Cực Lạc đều thuộc về cùng loại. Trong các kinh ấy cũng có thân sơ, kinh nào lấy trì danh niệm Phật là thân, còn lại là sơ.” Đây là trước tiên nói rõ ngoài cùng bộ với kinh này ra thì còn có cùng loại. Tiếp đó lão cư sĩ Hoàng vì chúng ta nêu ra bộ thứ nhất trong cùng loại, *“kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh này cùng với hai kinh Đại, Tiểu bản ở trên được gọi chung là Tịnh độ tam kinh”*, đây là những kinh điển chủ yếu nhất của Tịnh tông, hợp lại gọi là Tịnh độ tam kinh. *“Là kinh điển căn bản của Tịnh tông, trình bày đầy đủ về mười sáu diệu môn”*, chính là 16 phép quán; *“khuyên dạy quán tưởng niệm Phật và trì danh niệm Phật”*. Kinh Thập Lục Quán là một bộ kinh quan trọng của Tịnh tông, chúng ta có thể nói như sau, kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh tông, từ mọi phương diện mà giới thiệu pháp môn này. Tiểu bản kinh A-di-đà thì thuận tiện cho thọ trì, cho nên hơn một ngàn năm nay ở Trung Quốc, các đồng học tu Tịnh tông đều lấy bản kinh này làm khóa tụng sớm tối, vô cùng giản yếu. Đây là từ bi vô lượng của Thế Tôn, đích thực ban cho chúng ta một pháp môn dễ tu học, là một phương pháp. Kinh Thập Lục Quán tức là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong kinh giảng 16 phép quán, trong đây có quán tưởng niệm Phật, có quán tượng niệm Phật, có trì danh niệm Phật, sau cùng phép quán thứ 16 là trì danh niệm Phật. Càng ở phần cuối thì pháp môn này càng quan trọng. Thời xưa ở Trung Quốc lẫn Ấn Độ đều có cách nói như vậy, cái tốt nhất, thù thắng nhất xếp ở sau cùng. Trong biểu diễn văn nghệ là thuộc về màn văn tuồng, vở hay nhất luôn đặt ở cuối cùng, để khán giả càng xem càng hứng thú; nếu phần hay nhất đặt lên đầu, xem xong rồi, phần sau đều không bằng phần trước, mọi người liền không xem nữa, sẽ bỏ đi, cho nên tốt nhất là đặt ở phần sau.

Vậy thì bạn sẽ hiểu được, trong 16 phép quán thì đặt trì danh niệm Phật ở sau cùng, điều này cho biết phương pháp tu học của Tịnh tông, trên thực tế thì trì danh thù thắng hơn quán tưởng và quán tượng. Vì sao vậy? Những điều này trước đây tôi đều nói qua, khi tôi học Quán kinh đã từng hỏi thầy Lý, hỏi thầy về quán tưởng, quán tượng trong 16 phép quán, còn có thật tướng niệm Phật thì không nêu. Quán tưởng có 14 loại, đại sư Trí Giả đời Đường chính là tu quán tưởng niệm Phật mà vãng sanh, cho nên pháp môn này cũng truyền đến Hàn Quốc, truyền đến Nhật Bản. Ở Trung Quốc, người tu pháp môn quán tưởng không nhiều, tôi thỉnh giáo thầy vì sao, thầy bảo tôi, quán tưởng không dễ thành tựu! Thí dụ quán thứ nhất, quán mặt trời lặn như trống treo, thế nào gọi là thành tựu? Bạn mở mắt ra nhìn thấy, lúc hoàng hôn mặt trời lặn, mặt trời đó ở ngay trước mặt bạn, bạn thật sự nhìn thấy, nhắm mắt lại, cảnh tượng này vẫn ở trước mặt. Bạn hãy thử xem bao giờ bạn có thể quán thành? Dầu thật sự quán thành, sau khi vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì vẫn phải bỏ thứ này đi, không bỏ thì bạn đã chấp tướng, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, vẫn phải bỏ nó đi, mà bỏ nó còn tốn công, còn khó hơn cả quán tưởng thành tựu. Thầy nói niệm Phật tốt, niệm Phật chỉ cần một câu danh hiệu, bảo bạn buông xuống thì rất đơn giản, so với bỏ đi cái quán tưởng đó thì dễ hơn nhiều, nghĩ kỹ thì thấy có đạo lý. Cho nên phải ghi nhớ, câu nói này trong kinh là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung, phàm những gì có tướng đều là hư vọng.

Vì sao bảo bạn tu quán? Là để bạn trừ bỏ các tạp niệm khác. Giống như chúng ta nhất tâm xưng niệm, chính nhờ nhất tâm này nên mới có thể vãng sanh, chứ không phải nói nhất tâm bất loạn; nhất tâm bất loạn đương nhiên phẩm vị cao hơn, sự nhất tâm bất loạn thì sanh về cõi Phàm thiện, lý nhất tâm bất loạn thì sanh về cõi Thật báo, người sơ học hiện nay như chúng ta có thể sanh về cõi Phàm thánh đồng cư thì đã thành công rồi. Cho nên trong Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích khuyên dạy chúng ta, ngài lấy chính ngài làm ví dụ: “Cả đời tôi cầu sanh Tịnh độ, chỉ hy vọng vãng sanh hạ hạ phẩm của cõi Phàm thánh đồng cư là tôi mãn nguyện lắm rồi.” Đây là thị hiện cho chúng ta thấy, vãng sanh hạ hạ phẩm của cõi Phàm thánh đồng cư không khó, đại sư Thiện Đạo nói “vạn người tu, vạn người đi”, không sót một ai. Cách niệm thế nào? Vẫn là phải nhất tâm xưng niệm. Điều này cũng rất quan trọng, chính là lúc niệm Phật không được xen tạp vọng tưởng, không thể có vọng niệm, đây gọi là nhất tâm. Khi làm được nhất tâm thì không hoài nghi, không xen tạp, đây gọi là nhất tâm. Cho nên thật sự muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn nhất định phải biết, thế giới này, Thích-ca Mâu-ni Phật, A-di-đà Phật khuyên dạy chúng ta, mười

phương ba đời tất cả chư Phật khác miệng đồng lời cùng đến khuyên nhủ, nếu chẳng phải thù thắng không gì bằng thì Phật có khuyên chúng ta không? Cơ hội thật quá khó được! Chúng sanh ngu si, cho rằng pháp môn này đơn giản, có lẽ chẳng cao minh lắm, muốn tìm pháp môn khác, cho rằng pháp môn khác đều cao hơn pháp này, sai rồi. Càng thù thắng thì càng đơn giản, xưa nay trong và ngoài nước không có ngoại lệ, đơn giản nhất chính là thù thắng nhất.

Trong phần khái yếu trước đã nói rõ tỉ mỉ, trì danh niệm Phật là xứng tánh khởi tu, lấy quả địa giác của Như Lai làm tâm khi ở nhân địa của chúng ta, nhân quả không hai, thật quá thù thắng. Nhất tâm hướng về thì chúng ta sẽ buông xuống thế gian này, danh văn lợi dưỡng, năm dục sáu trần ở thế gian này, đúng như điều mà cổ nhân nói, đây là mùi vị thế gian, người đời thường tham luyến, vị đời làm sao đậm bằng vị pháp! Trong vị pháp thì đậm nhất chính là trì danh niệm Phật, bạn vì sao niệm không được? Bạn trì danh mà chưa nếm được vị pháp, chưa nếm được mùi vị cho nên bạn sẽ thoái tâm. Vì sao bạn chưa nếm được mùi vị? Bởi khi niệm Phật có hoài nghi, có xen tạp, hoài nghi pháp môn này có phải là thù thắng nhất hay không? Pháp môn này có thật hay không? Tôi thật có thể vãng sanh không? Thật có thể giới Cực Lạc không? Do dự, hoài nghi. Thứ hai là đối với danh văn lợi dưỡng của thế gian vẫn tham luyến chưa buông xuống. Cho nên dù bạn siêng năng niệm Phật, niệm bao nhiêu năm vẫn chẳng được pháp hỷ, vẫn chưa nếm ra được vị pháp, nguyên nhân ở chỗ này.

Đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ rất hay, nửa phần đầu nói về quả báo, nửa phần sau nói về tu nhân, bạn tu thế nào? Tu nhân nói năm chữ, “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Người học Phật chúng ta tu gì? Tu tâm thanh tịnh, dùng phương pháp nào? Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tu tâm thanh tịnh, đều là tu tâm bình đẳng, đều là tu giác. Được tâm thanh tịnh thì bạn chứng quả A-la-hán; được tâm bình đẳng thì thành Bồ-tát; đại triệt đại ngộ chính là giác, bạn thành Phật rồi. Bạn tu nhân thì được quả báo là gì? Là Đại thừa, Đại thừa là trí tuệ, trong kinh Hoa Nghiêm nói “hết thấy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”, Đại thừa là trí tuệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng, bạn đều được cả. Được tâm thanh tịnh, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là ở cõi Phương tiện hữu dư, tâm thanh tịnh không dễ đạt được; được tâm bình đẳng, lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, sanh đến thế giới Cực Lạc ở cõi Thật báo trang nghiêm, Bồ-tát từ Sơ trụ trở lên trong kinh Hoa Nghiêm, là Pháp thân đại sĩ, bằng với thành Phật, những điều này

đều khó, đều phải niệm đến nhất tâm bất loạn. Điều thù thắng nhất của Tịnh tông chính là cõi Phạm thánh đồng cư, quá thù thắng, cõi Phạm thánh đồng cư, nếu chúng ta thật sự cầu vãng sanh thì ai ai cũng có thể, nhất định có thể được, thù thắng nhất chính là ở điểm này.

Thế giới Cực Lạc không giống các thế giới khác, đúng như kinh Hoa Nghiêm nói “một là tất cả, tất cả là một”, sanh về cõi Đồng cư thì đồng thời cũng tương đương với sanh về cõi Phương tiện và cõi Thật báo. Vì sao vậy? Ở nơi ấy không có các chiều không gian, không giống cõi nước của chư Phật khác, các cõi nước của chư Phật khác quả thật có các chiều không gian, không cùng chiều không gian thì bạn không thấy được, thế giới Cực Lạc không như vậy. Cho nên, dù chúng ta sanh về cõi Đồng cư, vãng sanh hạ hạ phẩm đến thế giới Cực Lạc, bạn vẫn có thể thấy Quán Âm, Thế Chí, bạn có thể gặp Văn-thù, Phổ Hiền, các ngài ở đâu? Các ngài ở cõi Thật báo. Những vị đại Bồ-tát ở cõi Thật báo và những người hạ hạ phẩm ở cõi Phạm thánh đồng cư thường ở chung với nhau, duyên phần này thật khó được! Bạn thường xuyên thân cận các ngài, thường nghe lời dạy bảo của các ngài, vậy tiến bộ rất nhanh, không có chuyện thụt lùi, không có nhân duyên để thụt lùi, chỉ có hướng lên. Thầy là chư Phật Như Lai, đồng học là các đại Bồ-tát, bạn tìm đâu ra môi trường tu học như vậy? Sanh đến thế giới Cực Lạc nhất định một đời thành Phật, tuổi thọ dài, vô lượng thọ, bạn nói xem duyên này thù thắng dường nào. Chưa gặp được thì đành chịu, sau khi gặp rồi mà bạn còn lưu luyến thế gian này thì là sai lầm, ở thế gian này chỉ cần có một việc không buông xuống, thì đã luống uổng cơ duyên cả đời này rồi. Cho nên chúng ta phải buông xuống triệt để, chút tơ hào lưu luyến cũng không có.

Chúng ta sống ở thế gian này, điều quan trọng nhất chính là cầu vãng sanh, khi còn chưa rời đi, thân thể còn ở nơi đây thì phải học Bồ-tát, hết sức khuyên người khác, Phật độ người có duyên, bạn khuyên người, họ chịu tin tưởng, họ chịu phát nguyện, vậy người này được độ, bạn giúp họ thành Phật, bạn thành tựu và cũng giúp thêm một người thành tựu. Bạn giúp được càng nhiều người càng tốt. Bồ-tát Đại Từ nói với chúng ta, bạn thật sự đưa được hai người vãng sanh thì còn hơn chính bạn niệm Phật; nếu bạn có thể khuyên mười người, hai mươi người, khi bạn đến thế giới Cực Lạc, nói theo cách người thế gian thì A-di-đà Phật nhất định khen thưởng bạn, dẫn theo càng nhiều càng tốt. Đây là lời trong kinh Phật nói, một chút cũng không giả. Ngoài việc tự mình niệm Phật cầu sanh, hãy tận lực giúp đỡ người khác, khuyên bảo người khác, dùng gì để khuyên? Phải hiện thân thuyết pháp. Lúc ra đi không

sanh bệnh, biết trước ngày giờ, không đau đớn, bạn vắng sanh như vậy, người ta trông thấy sẽ biết đây là thật, chẳng phải giả.

Năm xưa khi tôi còn chưa đến Đài Loan, mẹ của ông Hà Thế Lễ ở Hồng Kông niệm Phật vắng sanh Tịnh độ, cha là tước sĩ Hà Đông rất có địa vị ở Hồng Kông. Cả nhà họ là tín đồ Kitô giáo kiên thành, nhưng vì họ còn tiếp nhận qua văn hóa truyền thống Trung Quốc, cho nên rất hiếu thuận với mẹ, trong nhà lập Phật đường, mỗi người tu theo cái của mình, người mẹ hằng ngày niệm Phật, còn họ thì chủ nhật đi nhà thờ; cả nhà này rất hòa thuận, có giáo dục truyền thống Trung Quốc, khiến họ biết sống chung hòa mục. Khi người mẹ ra đi, quả thật đã mở một đại hội vắng sanh, bà cụ biết trước giờ đi, khi đi là ngồi mà ra đi. Họ báo tin cho giới truyền thông Hồng Kông, đến ngày bà đi thì mọi người đều tới xem, bà cụ thật sự ra đi, cho nên báo chí đều đăng tin, khi đó chưa có truyền hình, chuyện này là hơn 30 năm trước. Sau lần ra đi đó của bà cụ, cả nhà Hà Thế Lễ đều niệm Phật. Bạn xem, không dùng lời nói, biểu diễn cho họ thấy, bạn thấy đây là thật chứ không phải giả. Về sau họ đem căn nhà của mình hiến tặng, chính là Đông Liên Giác Uyển ngày nay, Đông Liên Giác Uyển chính là nhà của tước sĩ Hà Đông, được hiến làm đạo tràng Phật giáo. Bà cụ cả đời không giảng kinh thuyết pháp, thế nhưng vừa biểu diễn như vậy đã độ biết bao người! Khiến biết bao người niệm Phật trông thấy mà sanh khởi lòng tin, không hề giả chút nào. Cách làm như thế, thành tựu chính mình cũng thành tựu người khác, đâu đâu cũng là như vậy.

Khoảng chừng hơn 40 năm trước, khi tôi còn dạy học ở Phật Quang Sơn, ở Phật Quang Sơn có một công nhân lâu năm, công trình ở đó làm quanh năm không gián đoạn, công nhân làm công ở Phật Quang Sơn là người địa phương. Có một buổi tối, chúng tôi dẫn theo mấy học trò, ánh trăng rất đẹp, chúng tôi ở trên bãi cỏ bàn luận Phật pháp, người công nhân này đi đến chỗ chúng tôi, cũng đến nghe. Nghe được một lúc, ông nói với chúng tôi, khuyên chúng tôi niệm Phật, ông nói niệm Phật là thật, một chút cũng không giả, chính mắt ông thấy người hàng xóm của mình, là một bà cụ, niệm Phật ba năm đứng mà vắng sanh. Bà cụ đó là người rất từ bi, có lòng thương, hoan hỉ giúp đỡ người khác, bà chưa từng đi học, không biết chữ, lễ Phật, lễ Bồ-tát, cũng lễ thần, cái gì cũng lễ, thường đi các hội đèn chùa. Ba năm trước bà cưới dâu, cô con dâu hiểu đôi chút Phật pháp, khuyên mẹ chồng chuyên niệm A-di-đà Phật, đừng đi đâu cả, đừng lễ gì khác. Bà cụ có thiện căn, bà nghe lời khuyên của con dâu, liền lập Phật đường tại nhà, mỗi ngày niệm A-di-đà Phật, tụng kinh A-di-

đà, không còn tham gia các hội đền chùa nữa, chuyên tu Tịnh độ suốt ba năm. Hôm bà ra đi là buổi tối, vào lúc dùng cơm, bà bảo người trong nhà: “Các con cứ ăn trước, đừng đợi mẹ, mẹ đi tắm cái đã.” Bà quả thật đi tắm. Nhưng con trai, con dâu rất hiếu thuận, đều đợi bà, đã đợi rất lâu mà không thấy ra, mới đi vào xem sao, thấy bà đã tắm xong, gọi mà không thấy người trả lời, liền đi tìm; sau cùng thấy bà đứng trong Phật đường, mặc áo hải thanh chỉnh tề, tay cầm chuỗi hạt, mặt hướng về tượng Phật, gọi mà không thấy bà đáp, đến bên cạnh nhìn kỹ thì bà đã đi rồi. Người công nhân này nói với chúng tôi là chính mắt ông nhìn thấy, không giả chút nào, ông khuyên chúng tôi phải niệm Phật, phải cầu sanh Tịnh độ. Ông là người ở làng Tướng Quân, Đài Nam. Việc này hiện nay chúng tôi nhắc lại, vẫn còn rất nhiều người biết, vẫn nhớ rất rõ. Cho nên tự hành tức là hóa tha, cơ hội nhất quyết không thể bỏ lỡ. Trì danh niệm Phật là phép quán cuối cùng trong kinh Thập Lục Quán, phép quán thứ 16 chính là trì danh, khuyên chúng ta trì danh niệm Phật, cho nên so với quán tướng, quán tượng thì càng thù thắng, dễ dàng mà thù thắng.

Loại thứ hai: “*Kinh A-di-đà Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni khuyên dạy trì danh*”, trong đó cũng dạy người trì chú, chú này là chú Vãng Sanh, có người học. Năm xưa khi tôi giảng kinh ở Đài Bắc, có một cư sĩ lớn tuổi, hồi trẻ đã học Phật, lúc đó tôi đã ra ngoài giảng kinh, có lẽ khoảng hơn 30 tuổi, chưa đến 40 tuổi, vị cư sĩ này hơn 50, ông thấy trong kinh nói, niệm ba trăm ngàn biến chú Vãng Sanh thì sẽ thấy A-di-đà Phật, ông thật sự làm, dùng một khoảng thời gian khá dài, niệm đủ ba trăm ngàn biến. Ông đến nói với tôi, ông nói: “Pháp sư Tịnh Không, trong kinh nói niệm đủ ba trăm ngàn biến thì thấy A-di-đà Phật, tôi đã niệm đủ ba trăm ngàn biến mà vì sao vẫn không thấy?” Ông đã sanh khởi vấn đề rồi. Ba trăm ngàn biến là cách niệm như thế nào, điểm này bạn phải chú ý. Bạn thấy niệm Phật, niệm chú, tụng kinh đều là một tiêu chuẩn, chính là như Bồ-tát Đại Thế Chí dạy “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, đây gọi là niệm Phật. Bạn niệm ba trăm ngàn biến chú Vãng Sanh, lúc niệm chú vẫn khởi vọng tưởng, lúc niệm chú vẫn còn nghĩ có linh hay không, như vậy liền có vấn đề, công phu niệm chú bị phá hỏng cả. Cho nên cổ nhân nói: “Tụng kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật”, vì sao vậy? Càng đơn giản càng dễ nhiếp tâm. Kinh văn rất dài, từ đầu đến cuối tụng một lượt bạn có thể không khởi vọng niệm không? Thật sự không khởi vọng niệm mới gọi là công phu. Đọc bộ kinh này, lúc đọc có rất nhiều tạp niệm ở bên trong, khiến công đức của bạn bị phá hoại, không phải hoàn toàn không có, nhưng đã giảm đi rất lớn. Cho nên chú, chú ngữ thì ngắn hơn, dễ nhiếp tâm, thế nhưng Phật hiệu ngắn nhất,

chỉ có bốn chữ A-di-đà Phật, hy vọng trong bốn chữ này đừng để xen tạp, như vậy dễ hơn chú Vãng Sanh nhiều, chú Vãng Sanh khó hơn niệm Phật. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, nhất định yêu cầu chính mình, bất luận là thời khóa sáng tối hay tán niệm hằng ngày, đều phải tránh xen tạp, phải chú ý điểm này. Lúc cần suy nghĩ vấn đề thì tạm đặt câu Phật hiệu xuống, nghĩ xong lại đề khởi Phật hiệu, không thể vừa niệm Phật vừa suy nghĩ; vừa niệm Phật vừa làm việc, công việc không cần dùng đầu óc thì được, không có ngăn ngại, hễ phải suy nghĩ thì sẽ chướng ngại việc niệm Phật. Điều này không thể không biết. Tuyệt đối không phải do pháp môn có vấn đề, kinh chú có vấn đề, cái đó không có vấn đề, mà là chính chúng ta đã dụng tâm sai, vấn đề phát sinh là ở chỗ này. Đây là nói đến trì chú. Thật ra cổ đức nói rất hay, bốn chữ A-di-đà Phật là dịch âm từ tiếng Phạn, chưa dịch nghĩa, nên tương đương như một thần chú! Đạo lý này không thể không biết.

Tiếp theo loại thứ ba, *“phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”*. Cho nên người đời sau, người này chính là Ngụy Nguyên (Ngụy Mặc Thâm), ông đã tách riêng quyển phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên này, tách quyển cuối cùng này từ kinh Hoa Nghiêm để phụ thêm vào sau Tịnh độ tam kinh, gọi là Tịnh độ tứ kinh. Quý vị sau này nếu thấy Tịnh độ tứ kinh thì sẽ biết vì sao lại nhiều thêm một bộ, chính là thêm phẩm Hạnh Nguyên, do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm thời Hàm Phong thêm vào trong ấy. Loại thứ tư là *“kinh Hậu Xuất A-di-đà Phật Kệ”*, bộ này hoàn toàn đều là kệ tụng, tổng cộng có 56 câu. Trong bài kệ này có hai câu như sau: *“Phát nguyện vượt chư Phật, thế hai mươi bốn chương”*, phát nguyện này là A-di-đà Phật phát nguyện, ngài trình bày trước hết thấy chư Phật Như Lai, trên thực tế chính là chúng ta ngày nay nói là báo cáo, báo cáo với chư Phật rằng ngài đã phát đại nguyện, hai mươi bốn nguyện, *“tương đồng với hai mươi bốn nguyện trong hai bản dịch đời Ngô và Hán”*.

Tiếp theo loại thứ năm, *“chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Thủ-lăng-nghiêm, khuyên dạy chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật, dùng tâm niệm Phật nhập vô sanh nhẫn”*. Ở đây ngài còn chỉ phương pháp niệm Phật, *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”*, đều là nói trong chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông. Loại thứ sáu, *“kinh Bát-Chu Tam-muội, do tam tạng Chi-lâu-ca-sấm người xứ Nhục Chi dịch vào đời Hậu Hán”*. Kinh này còn có tên là *“kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ”*, đây là bản dịch khác của bộ kinh này, cũng là cùng một bản Phạn văn, là bản dịch không

giống nhau. “*Kinh chú trọng dùng chín mươi ngày làm kỳ hạn, không ngồi, không nằm, tu Phật lập tam-muội*”, pháp môn này không dễ tu, vì sao vậy? Một kỳ hạn của nó là 90 ngày, là 3 tháng, suốt 3 tháng không được ngủ, không được ngồi, chỉ được đi, nhiều Phật, có thể đi, có thể đứng, không được ngồi, không được nằm xuống. Tu pháp môn này phải có thân thể khỏe mạnh, tuổi trẻ thì còn có thể, lớn tuổi rồi thì rất khó khăn, đại khái trước 40 tuổi còn làm được, sau 40 thì thể lực không kham nổi, bạn sẽ không làm được.

Chúng ta xem thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử 53 tham, vị đầu tiên tham vấn là tỳ-kheo Cát Tường Vân, ngài ấy tu chính là pháp môn này, gọi là “Phật lập tam-muội”, chuyên niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Cho nên bạn thấy 53 tham này, dụng ý đó rất sâu! Ở Trung Quốc lẫn Ấn Độ đều có khái niệm này, vào trước làm chủ, Thiện Tài ở dưới hội của Bồ-tát Văn-thù thành tựu căn bản trí, thành tựu căn bản trí bằng cách nào? Buông xuống chấp trước thì được tâm thanh tịnh; buông xuống phân biệt thì được tâm bình đẳng; buông xuống vọng tưởng, buông xuống khởi tâm động niệm thì thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” trên đề kinh của chúng ta, ngài đã đạt được. Người Trung Quốc gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, trong hội Hoa Nghiêm đây là Bồ-tát Sơ trụ, Pháp thân đại sĩ, Thiện Tài đồng tử chứng được quả vị này dưới hội của Bồ-tát Văn-thù, Sơ trụ của Viên giáo, cho nên thầy mới bảo ngài đi tham học. Quý vị phải biết, điều kiện chân thật để tham học chính là điều này, bạn chưa kiến tánh thì không đủ tư cách tham học, minh tâm kiến tánh rồi mới đủ tư cách tham học. Dụng ý của tham học ở đâu? Tham học là để phá tập khí vô minh. Bạn xem, vô minh đã phá rồi, khởi tâm động niệm đã buông xuống, nhưng tập khí vẫn còn, tập khí thì làm thế nào? Tập khí thì phải trong quá trình tham học mà đoạn dứt nó, cho nên tham học gọi là trải sự luyện tâm, lúc này bạn chịu đựng được khảo nghiệm, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thầy đều khuyến khích bạn tiếp xúc, bạn sẽ không bị ngoại cảnh ảnh hưởng, trong mọi cảnh giới đều có thể tự nhiên đào thải tập khí vô thủy vô minh của mình, thành tựu Phật quả rốt ráo viên mãn. Cho nên 53 tham, 53 vị đều là Bồ-tát, đều là Phật, những thiện tri thức đó không phải người thường, đều là chư Phật Như Lai hóa thân, hóa thân gì? Nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, trong đó có thiện có ác, trên thực tế thì chính là xã hội ngày nay của chúng ta. Chúng ta bước vào xã hội này, từ sáng đến tối bạn tiếp xúc những người này, đó chính là 53 tham, chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, liệu có thể không động tâm không? Có thể không động tâm, không khởi tâm không động niệm thì mới đủ tư cách tham học;

hễ vừa khởi tâm động niệm thì bạn đã bị cảnh giới chuyển rồi. Cho nên tham học không phải việc đơn giản, tham học thành tựu hậu đắc trí.

Căn bản trí là bát-nhã vô tri, đó là gì? Đó là công phu định lực, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh chính là căn bản trí; còn tham học thì sao? Tham học là hậu đắc trí, không gì không biết. Có phải ở trong cảnh giới học không gì không biết hay không? Không phải, cảnh giới hiện tiền thì trí tuệ sanh khởi; khi không có cảnh giới thì tâm địa sạch sẽ, một niệm cũng không có, chẳng phải học từ bên ngoài, không phải vậy. Điều này không được hiểu sai, đây là khi đối diện với hết thấy cảnh giới, bạn tự nhiên sanh trí tuệ để ứng đối, nhất định không sanh phiền não. Phiền não là gì? Thất tình ngũ dục, thuận cảnh sanh tham ái, nghịch cảnh sanh oán hận, không sanh những thứ này, nó sanh trí tuệ, những đạo lý này chúng ta không thể không biết. Ngày nay chúng ta có đang tham học không? Không hề, chúng ta tùy duyên mà biến đổi theo, còn Thiện Tài đồng tử thì chính là “tùy duyên diệu dụng” mà trong bốn đức của Hoàn Nguyên Quán nói tới, diệu dụng là sanh trí tuệ, nhất định không sanh phiền não. Cho nên sau cùng là tham thứ 53, chính là Bồ-tát Phổ Hiền, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Chúng ta thấy biểu pháp của ngài, từ đầu đến cuối, đây chính là nói rõ, Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Từ đầu đến cuối tu pháp môn niệm Phật, giống hệt với thầy, niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh độ, nói cho chúng ta biết sự việc này. Tất cả cảnh giới đều tiếp xúc nên ngài mới phổ độ được chúng sanh, ngài không có pháp môn nào là không biết, chỉ cần tiếp xúc liền thấu tỏ, sanh trí tuệ chứ không sanh phiền não. “*Thiên Thai tông gọi là thường hành tam-muội*”, đây là đại sư Trí Giả nói, các ngài là “*xương danh, quán niệm*”, xương danh chính là niệm Phật, quán niệm A-di-đà Phật.

Loại thứ bảy, “*luận Vãng Sanh do Bồ-tát Thiên Thân soạn, đề xướng năm pháp môn niệm, cầu sanh Tịnh độ*”. “*Ba kinh một luận của Tịnh độ tông*”, một luận chính là bộ này, là kinh điển căn bản của Tịnh độ tông. Trong luận Vãng Sanh nói: “*Ai tu thành tựu năm môn niệm ắt được sanh về quốc độ An Lạc*”, quốc độ An Lạc này chính là thế giới Cực Lạc, “*thấy A-di-đà Phật kia*”. Năm niệm là gì? Thứ nhất là “*lễ bái*”. Lễ bái là tu tâm cung kính, cho nên ở đây phải biết tâm cung kính là tánh đức, cùng một ý với lễ kính chư Phật trong mười đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền. Trong lễ kính chư Phật nói về ba đời, Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai. Phật quá khứ, Thích-ca Mâu-ni Phật đã giới thiệu cho chúng ta trong kinh Danh Hiệu Ngàn Phật Quá Khứ. Phật hiện tại, như Lô-xá-na Phật được nói trong kinh Hoa

Nghiêm, A-di-đà Phật ở thế giới Cực Lạc đều là Phật hiện tại, Thế Tôn cũng giới thiệu ba ngàn danh hiệu Phật, là Phật hiện tại. Phật vị lai, những người nào là Phật vị lai? Hết thấy chúng sanh đều là Phật vị lai. Chúng ta phải dùng tâm thái nào để đối đãi hết thấy chúng sanh? Chúng ta dùng tâm thái như thế nào đối với A-di-đà Phật thì cũng nên dùng tâm thái ấy để đối với tất cả chúng sanh, đây gọi là lễ kính chư Phật. Chúng ta thấy người này chướng mắt, thấy người kia chán ghét, tức là bạn thấy Phật mà chán ghét. Nhất định phải biết, họ vốn dĩ là Phật, bây giờ thế nào? Bây giờ họ vẫn là Phật, chỉ là mê hoặc điên đảo mà thôi. Chúng ta đừng nhìn mê hoặc điên đảo của họ, hãy nhìn tự tánh của họ, họ vốn là Phật, điểm này vô cùng quan trọng, khiến tâm cung kính của ta sanh khởi. Tâm cung kính là tánh đức, chúng ta đã mê mất tự tánh, cho nên mới có đủ thứ phân biệt khác nhau, giác ngộ rồi thì bình đẳng.

Điều thứ hai là “xưng tán”. Bạn xem, giống hệt mười đại nguyện vương trong kinh Hoa Nghiêm, xưng tán Như Lai. Lễ kính thì không phân biệt, hết thấy đều cung kính; còn tán thán thì khác, việc nào tương ưng với tánh đức thì tán thán, không tương ưng với tánh đức thì không tán thán. Cho nên trong 53 lần tham học của Thiện Tài có mấy vị thiện hữu hành vi bất thiện, tạo tham sân si, bạn thấy Thiện Tài có cung kính, có cúng dường, nhưng không tán thán; còn thiện pháp tương ưng với tánh đức thì có lễ kính, có tán thán, có cúng dường, khác biệt ở chỗ này. Vì vậy chúng ta phải học tập, người này là người ác, người ác làm việc tốt, việc đó là việc tốt thì nên tán thán, tán thán việc này của họ; việc họ làm là việc xấu thì không tán thán, không nói, không phê bình, có vậy nếp sống xã hội mới được nghiêm chỉnh; những người làm việc không tốt này sẽ sanh tâm xấu hổ, “bạn xem, tôi làm chút việc tốt mà người ta đã khen ngợi tôi, còn khi làm việc xấu thì họ không nói, họ đều bao dung, đều tha thứ cho tôi”, thế là họ quay đầu. Nhất định phải có tâm thiện nguyện thiện, giúp người khác quay đầu là bờ, đừng trách mắng, trách mắng có khi làm cho họ sanh phản cảm, không những không tiếp nhận mà còn sanh tâm oán hận, việc đó rất phiền phức, bạn đã kết oán với họ, sau này sẽ oan oan tương báo trong lục đạo không ngừng không dứt. Nhất định không kết oán với người, cho dù bị hại, bị hại cũng không kết oán.

Mấy ngày trước tôi ở Indonesia, có một đồng học hỏi tôi, đại khái là có người lừa ông ấy, lừa ông khá nhiều tiền, ông muốn nhờ luật sư khởi kiện, ông muốn đòi lại tiền. Ông hỏi tôi: Con làm như vậy có đúng không? Tôi nhìn ông, ông là một

doanh nhân, rất có tiền. Tôi nói: Số tiền ấy với ông chẳng đáng là bao, ông dùng hay người kia dùng chẳng phải cũng như nhau sao, hà tất phải đi so đo? Như vậy mới gọi là học Phật. Nếu như ông thật sự không có tiền mà bị người ta lừa, vậy thì sẽ có ảnh hưởng đến đời sống của ông, nhưng tôi thấy ông không phải vậy, ông là người giàu có, lừa ông vài tỷ cũng chẳng là gì, thôi bỏ đi, đừng truy cứu nữa, ông thật sự không bỏ đi nổi thì đời sau người ấy cũng sẽ trả lại ông. Cho nên, thật sự hiểu nghiệp nhân quả báo thì tâm của bạn liền buông xuống ngay. Con người ở thế gian có bị thiệt thòi hay không? Không, không có ai bị thiệt thòi cả. Có ai chiếm phần lợi không? Không một ai chiếm được phần lợi. Không có chuyện chiếm lợi cũng chẳng có chuyện thiệt thòi, đời này bạn chiếm lợi của người ta thì đời sau phải trả, còn phải trả thêm lãi, đâu có chuyện chiếm được lợi! Hiểu rõ đạo lý này rồi thì tâm của bạn là định, không bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng, bạn sẽ rất hoan hỷ, rất an vui. Khi gặp lại họ còn hỏi thăm đạo này khỏe không, chuyện tiền bị lừa không nhắc một lời nào, xem như không có gì, đây là bạn đã có chút trí tuệ; nhìn thấy liền nổi giận là bạn phân biệt chấp trước chưa buông xuống, cảnh giới này đang khảo nghiệm công phu của bạn, bạn chưa vượt qua, bạn vẫn cứ niệm niệm nhớ mãi chuyện này, là chưa vượt qua khảo nghiệm.

Điều thứ ba là “phát nguyện”, phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, điều thứ tư là “quán sát”, điều thứ năm là “hồi hướng”, đây là năm môn niệm. Quán sát chính là tác quán trong chỉ quán, cũng chính là thông thường chúng ta nói, đối với chân tướng sự thật đã hiểu rõ. Hết thấy người, hết thấy việc, hết thấy vật, tánh tướng, lý sự, nhân quả đều rõ ràng, đều sáng tỏ, đây gọi là trí tuệ đã khai, đem công đức mình tu được hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, trong thời nay, đặc biệt hồi hướng cho các chúng sanh khổ nạn trên toàn thế giới, hóa giải tai nạn. Bất luận tin theo tôn giáo nào cũng tốt, pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, nên đem những công đức mình tích lũy mà hồi hướng, cầu nguyện, trong tôn giáo nói là cầu nguyện, cầu cho thế giới hòa bình, cầu cho tai nạn hóa giải.

Loại thứ tám, “*Vãng Sanh Luận Chú*”, đây là chú giải xưa, “*đời Bắc Ngụy*”, đời Nam Bắc triều, của đại sư Đàm Loan đời Bắc Ngụy trước tác, hiện nay đều được thu thập trong Tịnh Độ Tùng Thư, học luận Vãng Sanh thì bản chú này là tư liệu tham khảo hết sức quan trọng, trước đây khi tôi giảng luận Vãng Sanh cũng xem bộ chú giải này. Tiếp theo loại thứ chín là “*Du Tâm An Lạc Tập*”, đây cũng là trước tác của đại sư Đạo Xước đời Đường, đều thuộc cùng loại với bộ kinh của chúng ta.

Tiếp theo là nói “*kinh luận nói kèm thêm về Tịnh độ*”, đây là phần phụ thêm, số lượng rất nhiều, ước chừng hơn một trăm bộ. Ở đây lão cư sĩ lược nêu 12 bộ khá nổi tiếng, cũng là các tổ sư đại đức Tịnh độ tông khi giảng kinh thuyết pháp thường hay trích dẫn. “*Lại có các kinh luận, tuy chẳng chuyên luận về Tịnh độ, nhưng cũng kiêm xưng tán Cực Lạc, khuyên lớn vãng sanh. Trong ấy có những bộ nổi tiếng*”, rất rõ ràng, ai nấy đều biết, đây là nêu sơ lược mấy bộ. “*Như kinh Pháp Hoa, kinh Bi Hoa, kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh, kinh Văn-thù Thuyết Bát-nhã, kinh Mục Liên Sở Vấn, kinh Thập Vãng Sanh, kinh Quán Phật Tam-muội (Phật thọ ký Văn-thù sẽ sanh về Cực Lạc), kinh Văn-thù Phát Nguyên (nguyện cầu sanh Thế giới Cực Lạc), kinh Nhập Lăng-già (Phật thọ ký Long Thọ sẽ sanh về nước Cực Lạc)*”, Bồ-tát Long Thọ, ngài cũng vãng sanh thế giới Cực Lạc, “*luận Tỳ-bà-sa*”, đây là tác phẩm của đại sư Long Thọ, “*luận Đại Trí Độ*”, cũng là Bồ-tát Long Thọ trước tác, “*luận Đại Thừa Khởi Tín*”, Bồ-tát Mã Minh trước tác, “*vân vân*”.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ soạn bộ chú giải này, trích dẫn kinh có 83 bộ, luận thì có 110 bộ, tổng cộng là 193 bộ nằm trong chú giải này. Cho nên chúng ta học bộ chú giải này, lần này phát tâm là học bộ chú giải này, cũng tương đương với học 193 bộ kinh luận. Không dễ chút nào! Lão cư sĩ viết bộ chú giải này mà có được nhiều tư liệu tham khảo như vậy, tôi cảm thấy đây cũng là chư Phật Bồ-tát gia trì, quá khó được, có lẽ rằng có rất nhiều đồng học học Phật khắp nơi sưu tầm tài liệu đem đến tặng cho ngài. Tôi đến phòng của ngài, nhìn vào thư phòng nhỏ đó thấy chất đầy những sách này, rất nhiều đều là sách cổ, tôi hỏi những sách này từ đâu mà có, ngài cũng không biết, thật đúng là tam bảo gia trì. “*Kinh luận Tịnh độ có đến trăm mấy mươi bộ*”, ở đây ngài trích dẫn ra từ 193 bộ; “*bên trên là cùng bộ loại của kinh này*”, tức cùng bộ, cùng loại, “*và kinh luận đề cập đến Tịnh độ chỉ lược nêu phần chính. Còn như số lượng các kinh điển trong Mật bộ có liên quan đến Tịnh độ còn nhiều hơn nữa nhưng chẳng kể ra*”. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vốn là thượng sư Kim Cang của Mật tông, trong Mật tông cũng có tu Tịnh độ, những bộ này không trích dẫn ở đây.

Tiếp theo đoạn thứ tám, “*dịch - hội - hiệu - thích*”, ở đây nói về bốn việc, dịch là phiên dịch, “*chỉ các bản dịch gốc của bản kinh này*”, hội hiệu, hội là hội tập, “*chỉ việc căn cứ các bản dịch gốc mà hội tập*”, đây gọi là bản hội tập; hiệu là hiệu đính, có một loại, là của cư sĩ Bành Tế Thanh; thích là giải thích, chính là chú giải, “*chỉ các bản chú thích của bản kinh này*”, chính là chú giải. Tiếp theo đoạn thứ nhất: “*I.*

Các bản dịch của kinh này”, tức là bản phiên dịch, “*kinh này được đức Phật thường nói, các sư đưa nhau dịch, được truyền đến Đông độ sớm nhất, có nhiều bản dịch nhất*”, bốn câu này là ở trong lời tựa của cư sĩ Mai Quang Hy. Thích-ca Mâu-ni Phật nhiều lần tuyên giảng, không phải là một lần, điều này phía sau sẽ giới thiệu cho chúng ta, nhiều lần tuyên giảng. Sau khi lưu truyền đến Trung Quốc, các vị pháp sư dịch kinh nhìn thấy đều hoan hỷ, đều cùng làm công việc này, cho nên từ đời Hán đến đời Tống trải qua tám triều đại, ước chừng cũng 800 năm, tổng cộng có 12 bản dịch. Có thể nói kinh Vô Lượng Thọ là kinh được dịch nhiều nhất, có 12 bản, nói là truyền đến Đông độ sớm nhất, ngay từ triều Hán đã truyền vào Trung Quốc; có nhiều bản dịch nhất, số lần phiên dịch nhiều, có thể nói kinh Vô Lượng Thọ là đứng đầu. “*Từ đời Hán cho đến đời Tống, tổng cộng có 12 bản dịch. Từ Tống, Nguyên về sau, chỉ còn lại 5 bản*”, cũng chính là nói, trong 12 bản thì có 7 bản bị thất truyền. Người Trung Quốc chúng ta biên dịch Đại tạng kinh, biên dịch tạng thư Phật giáo, khởi đầu từ đời Tống, khi đó mới được thu thập lại với nhau. Trước đó chưa được tập hợp lại, cho nên rất dễ bị phân tán mất, bởi vì số bản quá ít, khi đó kinh điển đều là bản chép tay, chưa có in ấn.

Bên dưới là giới thiệu các bản dịch, bản thứ nhất, đây là trước tiên nói các bản hiện còn, “*kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, xứ Nhục Chi đời Hậu Hán*”, Nhục Chi là tên của một nước, hiện nay là Tân Cương, “*sa-môn Chi-lâu-ca-sâm*”, đây là người xuất gia, “*dịch tại Lạc Dương (sau này gọi tắt là bản Hán dịch)*”. Bộ kinh này hiện nay có trong Đại tạng kinh, bảo tồn có 5 bản, sắp theo thứ tự triều đại thì bộ này xếp thứ nhất, kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Bản thứ hai là “*kinh Phật Thuyết Chư Phật A-di-đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đảnh Quát Độ Nhân Đạo, tên khác là kinh Vô Lượng Thọ, tên khác nữa là kinh A-di-đà*”. Đây là bản dịch đời Ngô, Ngô là thời Tam quốc, Ngụy - Thục - Ngô, nước Ngô thời Tam Quốc, dịch giả cũng là một cư sĩ tại gia, ưu-bà-tắc là cư sĩ, cũng là người xứ Nhục Chi, đây đều là Tây Vực, “*Chi Khiêm, tự là Cung Minh*” phiên dịch, “*sau này gọi tắt là bản Ngô dịch*”. Đề kinh của bộ kinh này đều là dùng dịch âm tiếng Phạn. Trong đó, cụm “*Phật thuyết chư Phật A-di-đà*”, thêm chữ “*chư Phật*” trước A-di-đà, đây là có ý, vì sao vậy? A-di-đà là danh hiệu chung của hết thầy chư Phật. Các bạn nghĩ thử xem, A-di-đà có thể phiên dịch hay không, có thể dịch, a dịch là vô, di-đà dịch là lượng, Phật dịch là giác, vô lượng giác, bạn nói xem có đức Phật nào mà không phải là vô lượng giác? Vậy thì bạn liền hiểu, bạn niệm một câu A-di-đà Phật là niệm hết tất cả chư Phật, không sót một vị nào, không những là Phật quá khứ trong đó, Phật

hiện tại ở trong đó, mà Phật vị lai cũng ở trong đó, danh xưng chung của mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai, lại cũng là danh xưng của tự tánh. “Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn”, đây là một trong mười danh hiệu của Như Lai, mười hiệu này trong kinh văn phía sau sẽ nói đến. Trong mười hiệu có Chánh Biến Tri, dịch sang nghĩa Trung Quốc là Chánh Biến Tri, chánh là chính xác, không mảy may sai lầm, biến là biết khắp, cũng chính là hậu đắc trí trong trí tuệ mà chúng ta nói đến, bát-nhã vô tri, không gì không biết, ở đây là ý nghĩa không gì không biết. Cũng có nghĩa Đẳng Chánh Giác, Đẳng Chánh Giác này trên thực tế chính là *Vô thượng chánh đẳng chánh giác* mà chúng ta thường nói đến, nó có ý nghĩa này ở trong đó. Tiếp theo là hai chữ “quá độ”, là ý nghĩa tự độ và độ tha, chính mình đã vượt qua thì phải độ người, cho nên nói là “quá độ nhân đạo”. Nói cách khác, bộ kinh này là một bộ kinh điển nói về A-di-đà Như Lai tế độ (cứu tế và độ hóa) chúng sanh. Đây là đại ý của đề kinh.

Bản thứ ba chính là “*kinh Vô Lượng Thọ, đời Tào Ngụy*”, đây cũng là thời Tam Quốc, nước Ngụy thời Tam Quốc, “*sa-môn Khang Tăng Khải người Ấn Độ dịch tại chùa Bạch Mã, Lạc Dương, (sau này gọi tắt là bản Ngụy dịch)*”. Hiện còn năm bản dịch gốc, bản này lưu hành rộng nhất, dịch rất hay. Bản thứ tư, “*hội Vô Lượng Thọ Như Lai*”, đời nhà Đường, “*tam tạng pháp sư Bồ-đề-lưu-chí người Nam Ấn Độ dịch*”. Bản này xuất phát từ kinh Bảo Tích, cho nên là một hội trong kinh Bảo Tích, hội Vô Lượng Thọ Như Lai. “*Sau này gọi tắt là bản Đường dịch*”, về sau hễ nói bản Đường dịch tức là chỉ bộ này. Bản thứ năm, “*kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*”, đời nhà Tống, “*sa-môn Pháp Hiền người xứ Tây Vực dịch (sau này gọi tắt là bản Tống dịch)*”. Đây là 5 bản hiện còn, chúng ta có thể thấy được 5 bản dịch gốc của kinh Vô Lượng Thọ.

“*Còn về bảy bản bị thất lạc, căn cứ theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục*”, Khai Nguyên Thích Giáo Lục, Thích là Thích-ca Mâu-ni Phật, Thích giáo tức là Phật giáo, chính là mục lục của tạng kinh, đây là mục lục tạng kinh sớm nhất. Trong mục lục thì có ghi, nhưng sách thì không còn nữa, tìm không thấy, cho nên trong mục lục còn thu vào bảy bản, phía dưới cũng nêu ra cho chúng ta. Bản thứ nhất gọi là “*kinh Vô Lượng Thọ, hai quyển, sa-môn An Thế Cao người nước An Tức dịch vào đời Hán*”. Bộ kinh này bị thất truyền thật đáng tiếc, vì sao vậy? An Thế Cao dịch rất hay! Thuở đầu thời kỳ dịch kinh, ngài thật sự là bậc đứng đầu, dịch rất hay. Người ngoại quốc dịch kinh Phật sang Trung văn, khiến người Trung Quốc đọc được vô cùng hoan hỷ,

buổi đầu là An Thế Cao, về sau là Cưu-ma-la-thập, bộ kinh này thất lạc thật là đáng tiếc. Bản thứ hai gọi là *“kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, hai quyển”*, đây cũng là *“đời Tào Ngụy”*, thời đại Tam Quốc, nước Ngụy, *“sa-môn”*, đây là người xuất gia, *“Bạch Diên dịch tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương”*. Bản thứ ba gọi là *“kinh Vô Lượng Thọ, hai quyển”*, đời Tấn, *“sa-môn Trúc Đàm-ma-la-đa, tiếng Tấn”*, tiếng Trung Quốc đọc là Pháp Hộ, do ngài phiên dịch. Bản thứ tư là *“kinh Vô Lượng Thọ Chí Chân Đẳng Chánh Giác, hai quyển”*. Bản này còn có một tên gọi khác là *“kinh Lạc Phật Độ Lạc, một tên nữa là kinh Cực Lạc Phật Độ. Sa-môn Trúc Pháp Lực người Tây Vực dịch đời Đông Tấn”*. Bản thứ năm gọi là *“kinh Tân Vô Lượng Thọ, hai quyển, đời Đông Tấn”*, đây là người Ấn Độ, *“sa-môn Phật-đà-bạt-đà-la nước Ca-la-vệ-la, tiếng Tấn là Giác Hiền, dịch tại chùa Đạo Tràng”*. Các vị pháp sư này ở Trung Quốc dịch rất nhiều kinh, thế nhưng kinh Vô Lượng Thọ đã bị thất truyền. Bản thứ sáu cũng gọi là *“kinh Tân Vô Lượng Thọ, hai quyển, sa-môn Bảo Vân dịch tại chùa Đạo Tràng ở Lương Châu đời Tống”*. Bản thứ bảy cũng gọi là *“kinh Tân Vô Lượng Thọ, hai quyển”*, cũng là *“đời Tống, người nước Kế Tân”*, đây là Tân Cương hiện nay, nơi này hiện nay ở Tân Cương, đây là người xuất gia Đàm-ma-la-mật-đa, dịch sang tiếng Trung Quốc là *“Pháp Tú”*, do ngài phiên dịch. *“Bảy bản bị thất lạc trên đây”*, là bảy bản dịch này, *“cộng với năm bản hiện còn ở trước, người thế gian gọi là mười hai đời dịch. Thật ra là tám đời”*, tám triều đại có mười hai bản dịch. Ở dưới ngài nói, tính *“đời Hán (Hậu Hán) có hai bản, đời Ngô - Tam Quốc có một bản, đời Ngụy có hai bản, đời Tây Tấn có một bản, đời Đông Tấn có hai bản, đời Lưu Tống có hai bản, đời Đường một bản, đời Triệu Tống một bản, bởi vậy thời dịch phân ra ở tám đời, còn bản dịch thì tổng cộng mười hai loại”*. Đây là giới thiệu đơn giản về các bản dịch của kinh Vô Lượng Thọ.

“Chân Giải nói”, Chân Giải là chú giải kinh Vô Lượng Thọ do pháp sư Đạo Ân người Nhật soạn, tên gọi là Chân Giải, trong đây có mấy câu như sau: *“Phàm trong các kinh, không có kinh nào được lưu truyền, dịch thuật thịnh hành như kinh này. Bởi vì dùng chánh ý xuất thế, làm lợi ích vô biên vậy.”* Các pháp sư này ở Nhật Bản, bản kinh Vô Lượng Thọ mà họ dùng, phần nhiều dùng bản của Khang Tăng Khải, cho nên họ nói *“kinh này”* đều là chỉ cho bản dịch của Khang Tăng Khải, bản này rất thịnh hành ở Nhật Bản. Trong đây có hai câu rất quan trọng, *“chánh ý xuất thế, làm lợi ích vô biên”*, đây là nói pháp môn Tịnh tông thù thắng không gì sánh bằng. Hội Sớ cũng nói, Hội Sớ là chú giải của pháp sư Tuân Đế cũng là người Nhật Bản, *“trong hết thảy các kinh được nhiều người lưu truyền, dịch thuật thịnh hành,*

không kinh nào được như kinh này. Bởi vì đạo lý sâu thẳm, lợi ích tối thượng vậy”. “*Cả hai bộ số có cùng một nhận định*”, câu này là bình luận của lão nhân Hoàng Niệm Tổ, hai bộ chú giải của Nhật Bản đều có cùng cách nhìn, lợi ích tối thượng, lợi ích vô biên.

“*Năm bản hiện còn, khác biệt khá rõ rệt*”, chính là năm bản dịch gốc hiện có trong Đại tạng kinh, nội dung khác biệt vô cùng rõ rệt, “*không giống như hai bản dịch kinh A-di-đà và sáu bản dịch kinh Kim Cang, kinh văn tuy chi tiết hay giản lược khác nhau đôi chút nhưng nội dung thật sự tương đồng*”. Ngài nêu ví dụ, kinh Kim Cang ở trong Đại tạng kinh có sáu bản dịch, trong sáu bản dịch thì hiện nay lưu hành rộng nhất, mọi người ưa tụng nhất là bản của đại sư Cưu-ma-la-thập phiên dịch. La-thập dịch hay, là dịch ý, ngài không dịch y theo mặt chữ, mà đem ý nghĩa kinh văn, dùng ngôn ngữ của chính mình, cũng chính là dùng giọng điệu của Trung Quốc để phiên dịch, cho nên khi chúng ta đọc thì đặc biệt trôi chảy, giống như văn chương do chính người Trung Quốc viết ra vậy. “*Năm bản dịch của kinh này*”, là năm bản dịch này, “*chẳng những kinh văn chi tiết hay giản lược khác nhau rất nhiều, mà ngay cả nội dung sâu rộng cũng rất khác. Ví dụ về đại nguyện của Di-đà khi ở nhân địa*”, điều này vô cùng quan trọng, “*hai bản dịch đời Hán và Ngô liệt kê 24 nguyện, bản dịch đời Tống có 36 nguyện, hai bản dịch đời Ngụy và Đường là 48 nguyện*”, khác nhau lớn như vậy, “*hơn nữa nội dung của nguyện trong mỗi bản dịch cũng khác nhau, đủ thấy sự khác biệt khá lớn*”, là nói khác biệt lớn; “*được lưu truyền phổ biến nhất hiện thời là bản dịch đời Ngụy*”, bản này của Khang Tăng Khải lưu thông rộng nhất. “*Chân Giải chỉ ra rằng: Dem hai bản dịch đời Ngô và Hán so với bản đời Ngụy, chỉ kể những điểm chính yếu đã có tám điểm khác nhau*”, chính là chỗ khác nhau, những chỗ rõ rệt, tám chỗ không giống nhau; “*còn nếu so với bản đời Đường, sơ lược có bảy điểm khác nhau. Ở đây không sao chép chi tiết*”, đây chính là nói rõ trong năm bản dịch gốc có sự khác biệt rất lớn. “*Còn đến bản dịch đời Tống so với các bản dịch khác, sự khác biệt còn lớn hơn nữa.*” Đây là vấn đề lớn, nếu bản gốc tiếng Phạn chỉ có một bản, thì dù cho người dịch có nhiều đi nữa, đáng lẽ cũng chỉ giống nhiều khác ít, sẽ không có khác biệt quá lớn như vậy, có khác biệt rất lớn thì vấn đề nằm ở đâu?

“*Các bản dịch vì sao khác nhau?*” Các bản dịch này là nói năm bản dịch hiện còn của chúng ta, vì sao lại khác nhau? “*Cư sĩ Thẩm Thiện Đăng đời Thanh viết trong luận Báo Ân rằng*”, ông viết một bộ sách, là luận Báo Ân, hiện nay gọi là luận

văn, luận văn học Phật của ông. Trong đó có một đoạn: *“Sở dĩ có sự bất đồng. Lược khảo các kinh, tóm lại có ba nguyên nhân”,* khảo là khảo sát năm bản kinh này, chúng ta gọi là khảo cứ, năm bản kinh này, ít nhất có ba điều có thể nói rõ. Thứ nhất, *“người dịch khéo vụng chẳng giống nhau”,* đây là nói về người dịch; thứ hai, *“bản Phạn truyền chép khác nhau”,* tức là không phải cùng một bản Phạn; thứ ba là *“Bốn sư trước sau tuyên nói nhiều lượt chẳng giống nhau”,* điều này vô cùng quan trọng. *“Bốn sư thuyết pháp hơn 300 hội, đã nhiều lần chỉ dẫn về Tịnh độ, vậy thì tất nhiên mỗi lần nói là nói không giống nhau, và cũng tùy thời tùy cơ, khai thông đại ý, phải y theo nghĩa chứ không y theo chữ, lẽ hiển nhiên là như vậy. Do đây biết rằng kinh Vô Lượng Thọ được Phật tuyên giảng nhiều lần, cho nên bản Phạn không chỉ có một. Dịch giả dựa vào các bản khác nhau, hơn nữa văn phong và trình độ của người dịch có khéo vụng khác nhau, thế nên lời văn của bản dịch tự nhiên khác biệt.”* Đây là cách nhìn của cư sĩ Thảm Thiện Đăng, trong đó điểm thứ ba ông nêu ra hết sức quan trọng, có lẽ là người phiên dịch căn cứ các nguyên bản Phạn khác nhau, cho nên mới có sai lệch lớn như thế; nếu chỉ là một bản Phạn văn, chắc hẳn không có hiện tượng này. Phía trên nêu kinh Kim Cang có sáu bản dịch, nguyên bản chỉ là một, bạn xem hiện nay có sáu bản dịch, nội dung giống nhiều khác ít, không có sai lệch lớn như vậy. Còn kinh Vô Lượng Thọ, sai khác trong năm bản này rất lớn, cho nên phán đoán rằng ít nhất có ba loại nguyên bản khác nhau. Điều này cho thấy, Thích-ca Mâu-ni Phật khi còn tại thế giảng kinh thuyết pháp phần nhiều chỉ giảng một lần, không có giảng lặp lại lần thứ hai, duy chỉ bộ kinh này, nhìn theo tình hình hiện nay thì ít nhất giảng ba lần. Lại mất đi bảy bản, nếu như bảy bản ấy hiện nay còn, có khả năng còn có khác biệt nữa. Đây là nói rõ ít nhất Thích-ca Mâu-ni Phật nói từ ba lần trở lên, điều đó hiển thị tầm quan trọng của bộ kinh này, có thể phổ độ hết thấy chúng sanh, là pháp môn đệ nhất thù thắng không gì bằng trong tất cả pháp môn, cho nên thường giảng nói.

Mỗi lần giảng không thể nào giảng hoàn toàn giống nhau, như chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ, bản tôi học chính là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, tôi dùng bản này để giảng bộ kinh này, trước đây đã giảng mười lần, mỗi lần đều không giống nhau. Cho nên có đồng học đến nói với tôi, muốn ghi lại những điều tôi giảng thành giảng ký, tôi nói được, tốt nhất là hội tập, đem mười lần giảng trước đây của tôi ra cho mọi người xem thử, chỗ khác nhau đều trích lục ra, vậy thì tương đối viên mãn. Lần này là lần thứ mười một, lần thứ mười một này chúng ta đổi phương pháp, giảng chú giải, giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là kỷ niệm sự quen

biết trước đây của chúng tôi. Rất không dễ, vào thời đó, trong nước giảng bản này chỉ có một mình ngài, không có người thứ hai; còn ở hải ngoại, giảng bản hội tập này cũng chỉ có một mình tôi, cũng không có người thứ hai. Chúng tôi gặp nhau thì hoan hỉ vô cùng, chúng tôi trao đổi tâm đắc trong tu học và giảng thuật, tôi biết nỗi khổ nhọc của ngài khi chú giải bộ kinh này, mặc dù mang bệnh nặng nhưng vẫn ngày đêm không nghỉ để hoàn thành bộ chú giải này, hoàn thành không bao lâu thì ngài ra đi. Ở trong hoàn cảnh như thế, thật sự không dễ dàng, đây là oai thần tam bảo gia trì. Bản hội tập này và bộ chú giải này, chắc chắn lưu thông cho đến khi Phật pháp cuối cùng biến mất khỏi thế gian này. Phật nói cho chúng ta biết trong kinh Pháp Diệt Tận, pháp vận của Phật là 12.000 năm, tính từ ngày Thích-ca Mâu-ni Phật diệt độ là 12.000 năm. Căn cứ theo ghi chép của đại đức xưa Trung Quốc, Phật Thích-ca diệt độ đến năm nay là 3.037 năm, không giống với cách nói của người nước ngoài, nước ngoài nói là hơn 2.500 năm, hai ngàn năm trăm năm mươi mấy năm; năm 2006 là năm thứ 50, năm nay có lẽ là năm thứ 54, tức 2.554 năm, còn tổ sư đại đức Trung Quốc chúng ta ghi chép là 3.037 năm, ở đây chênh lệch nhau tầm năm, sáu trăm năm. Những điều này chúng ta không cần phải đi khảo chứng, việc này ai nói cũng không rõ ràng được, trừ khi thỉnh Thích-ca Mâu-ni Phật đến, bằng không thì người nào nói cũng không rõ ràng được, đều có căn cứ cả.

Chúng ta nghĩ đến sự truyền thừa của pháp môn này, lợi ích vô biên, trong thời đại này và về sau, thật sự học Phật có thể được độ, tiêu chuẩn của được độ là vượt khỏi lục đạo luân hồi, vượt khỏi mười pháp giới, thì chỉ có pháp môn này, nói cách khác, chỉ có bộ kinh này, bản chú giải này. Các kinh luận khác tuy nhiều, pháp môn tuy nhiều, nhưng không đoạn được phiền não, đây là sự thật. Đừng nói đến phiền não vi tế, ngay phiền não nặng nề nhất, 88 phẩm kiến hoặc, bạn đoạn được hay không? Đoạn được 88 phẩm kiến hoặc thì mới chứng quả Tu-đà-hoàn, chưa ra khỏi lục đạo luân hồi, nhưng nhất định không đọa ba đường ác. Tu-đà-hoàn, bảy lần qua lại giữa cõi trời và nhân gian, đây là nói tu hành phải trải qua thời gian dài như vậy, chứng quả A-la-hán, vậy mới có thể vượt khỏi lục đạo, nhưng vẫn chưa vượt khỏi mười pháp giới. Muốn vượt khỏi mười pháp giới thì vẫn phải cần thời gian rất dài nữa. Chúng ta xem trong kinh Hoa Nghiêm, cấp độ mà Tu-đà-hoàn của Tiểu thừa đoạn phiền não, tương đương với Bồ-tát Sơ tín trong Thập tín của kinh Hoa Nghiêm, bạn nói xem đâu có dễ. Trong kiến hoặc, cái thứ nhất là thân kiến, thân kiến dùng cái gì để làm biểu thị? Nói thật đơn giản, là tự tư tự lợi, có ai đoạn được cái này không? Không còn chấp trước thân là ta. Cái thứ hai là đoạn biên kiến, biên kiến là gì? Là

đôi lập, điều này mọi người dễ hiểu, bạn có thể không đôi lập với người, không đôi lập với việc, không đôi lập với hết thảy vạn vật nữa. Cái thứ ba là thành kiến, ngày nay chúng ta nói là quan niệm chủ quan không còn nữa, đã buông xuống, có thể hằng thuận chúng sanh. Không đơn giản! Mỗi điều đều rất khó. Cho nên Hoàng Niệm lão nói với tôi, tu Thiền chẳng những không thể khai ngộ, ngay thiền định cũng không đạt được, trước kia còn có thể được thiền định, nay thiền định cũng không đạt; tu Mật, tam mật không thể tương ưng, chỉ có Tịnh độ. Cho nên ngài từng tham thiền, thầy của ngài là lão hòa thượng Hư Vân; cũng từng học Mật, là thượng sư của Mật tông, thầy của ngài là Phật sống Cống Cát, sau cùng ngài niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh độ. Ngài nói cho tôi biết, mỗi ngày 140 ngàn câu Phật hiệu, vạn duyên buông xuống, ngày đêm không nghỉ, quá mệt thì chợp mắt một lát, tỉnh dậy Phật hiệu liền tiếp nối, mỗi ngày 140 ngàn câu. Nghe lời thầy! Thầy của ngài là Hạ Liên Cư, khi Hạ lão ra đi cũng niệm Phật vãng sanh. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là thông tông thông giáo, hiển mật viên dung, đến cuối cùng đều là chọn thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên lần này tôi chọn giảng bản chú giải này là kỷ niệm lão cư sĩ. Ngài dụng tâm rất vất vả, bản chú giải này phải truyền lại, giảng kỹ một lượt thì có thể truyền lại. Cho nên chúng ta đặt tên đề mục là “Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa”, tựa đề này do tôi đặt.

Câu nói của cư sĩ Thâm Thiện Đăng chúng ta đã xem qua, chúng ta xem tiếp bên dưới, ngài nói: “*Tiên sinh Thâm lại nêu rõ nguyên nhân bản Phạn dễ sai sót như sau*”, trong bản Phạn này rất dễ phát sinh sai lầm, là nguyên nhân gì? “*Các bản kinh tiếng Phạn đều là bản chép tay nên dễ bị chép thiếu sót.*” Bản gốc tiếng Phạn là truyền từ Ấn Độ qua, hiện bảo tàng Cổ Cung có lưu trữ, quý vị có dịp thì có thể xem thử. Kinh văn đó được viết trên lá cây bô-đa-la, lá cây đó giống như lá chuối của chúng ta, được cắt thành từng tấm bằng nhau, đục hai lỗ ở hai đầu, xỏ dây xuyên qua, đại khái một mặt viết được khoảng năm dòng, nhiều nhất sáu dòng, hai mặt đều viết. Cho nên nó dùng dây để xuyên qua buộc lại, rất dễ, hễ dây đứt là nó rời ra, rất dễ bị thất lạc, dễ bị thiếu sót. “*Như bản Hán dịch của kinh Đại bản trái bao đời đến nay, bị thiếu sót vài mươi chữ, văn nghĩa không nhất quán.*” Văn nghĩa này không khâu chuỗi lại được. Đây là nêu thí dụ, tình huống như vậy rất nhiều. “*Lại như tạng bản của Tứ Thập Nhị Chương*”, chính là kinh Tứ Thập Nhị Chương, đây là bộ kinh đầu tiên được dịch tại Trung Quốc, bản dịch sớm nhất, tương đương với trích lục từ các kinh. Kinh này không phải một bộ kinh riêng, mà là rất nhiều kinh, những điều quan trọng do Phật nói được ghi lại từng điều một, tổng cộng là 42 đoạn, do Ma-đăng và

Trúc Pháp Lan thuở ban đầu đến Trung Quốc dịch ra. Những bản này đều là chép tay, “so với bản khắc đá do Triệu Văn Mẫn viết và các bản được lưu thông ngoài Đại tạng, thì chương tiết trước sau nhiều ít đều bất đồng”. Sự khác biệt này quá lớn, chúng ta thấy có rất nhiều bản kinh Tứ Thập Nhị Chương, đem ra xem thì nội dung không giống nhau. Thời đó lưu truyền lại, người sao chép rất nhiều, có người chép sót, có người chép thêm vài chữ, đây đều là việc thường có. Cho nên bản Phạn văn thời đó truyền sang Trung Quốc cũng có tình huống như vậy, không phải chỉ một người chép dài như thế, mà mỗi người chép một chút, nhiều người cùng chép, có khi ghép nối lại được, có khi ghép nối không được, chỉ cần rơi mất một lá ở giữa là không thể ghép nối được nữa.

Cho nên, kinh Tứ Thập Nhị Chương “so với những đoạn trích dẫn trong Pháp Uyển Châu Lâm cũng khác”. Pháp Uyển Châu Lâm là bộ sách mà ngày xưa người đọc sách, nếu không có thời gian xem kinh Phật, nhất định sẽ xem bộ sách này, có thể nói là tương đương bách khoa toàn thư Phật giáo. Trong đó chia thành 100 loại, những điều này được sao chép từ trong các kinh luận, bạn muốn dẫn dụng thì vô cùng thuận tiện, chúng ta tự mình tra kinh thì rất khó, ở đây người ta đã tra sẵn rồi. Đây là người triều Đường biên soạn, thuộc về sách phân loại. “Hơn nữa, những chữ được chọn ra trong sách Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa đều không thấy trong các bản lưu hành. Đại thể là do kinh được đọc tụng, học tập nhiều thì được lưu truyền, chép lại nhiều, nên lỗi được mất, giống khác cũng nhiều.” Đây là nói rõ nguyên nhân, người chép nhiều, cùng một bản gốc, hai người chúng ta cùng chép, chúng ta đem bản chép ra đối chiếu, hai bản cũng có thể không giống nhau. Bản gốc giống nhau, mà bản chép không giống nhau, có người chép sót, thiếu cẩn thận, hoặc lúc chép do âm đọc mà chúng ta viết nhầm chữ khác, cho nên chữ khác nhau là điều không thể tránh khỏi. Đây đều là nguyên cớ vì sao lại có khác biệt lớn như thế. “Lại nữa, Chân Giải nói: Thẩm định các kinh thì là do quá nhiều bản Phạn, dẫn đến văn nghĩa được truyền dịch còn hay mất, tường tận hay sơ lược chẳng đồng.” Đây là Chân Giải, ngài cũng cảm thấy nguyên bản tiếng Phạn truyền đến Trung Quốc đại khái không chỉ một loại, cho nên mới có tình hình như thế xảy ra.

“Tổng kết lại: kinh này do Phật nhiều lần tuyên thuyết”, đây là suy đoán từ các bản dịch hiện nay còn lưu lại, khẳng định Phật không chỉ một lần giảng kinh này. “Hơn nữa, tụng tập nhiều”, tức người đọc tụng, học tập rất đông. “Truyền chép bản Phạn nhiều lượt, bản Phạn có nhiều bản, còn hay mất, tỉ mỉ hay sơ lược khác nhau,

bản chép thẻ gấp tiếng Phạn lại dễ bị lạc mất, thành ra hiện tại các bản dịch hết sức khác biệt.” Ở đây có một câu chúng ta phải đặc biệt lưu ý, “tụng tập”. Hiện tại thời đại này, Phật giáo đã suy, suy đến mức độ nào? Phật giáo đã biến thành tôn giáo. Đệ tử Phật đời sau như chúng ta đây, bắt luận tại gia hay xuất gia, đều có tội! Khi Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế, 30 tuổi khai ngộ liền dạy học, dạy suốt cả đời, mãi cho đến mất, không bỏ qua một ngày nào, ngài dạy học. Khi dạy học chưa có chữ viết, chưa có sách vở, những kinh điển này là sau khi Phật diệt độ, các đệ tử cùng suy tôn tôn giả A-nan, phúc giảng lại một lượt những kinh mà Phật đã giảng khi còn tại thế. A-nan trí nhớ rất tốt, lại được nghe đầy đủ nhất; là thị giả của Thích-ca Mâu-ni, một ngày cũng không rời, chăm sóc Phật-đà, nên mời ngài phúc giảng. 500 đồng học làm chứng, nghe A-nan giảng, giảng mà mọi người đều gật đầu, vậy đích thực là Phật đã nói như thế, thì ghi chép lại. Chỉ cần một người nêu ra ý kiến, hình như không phải như vậy, vậy câu nói này bỏ đi, nhằm giữ chữ tín cho đời sau. Cho nên kinh điển là gì? Là lời dạy của Thích-ca Mâu-ni Phật đối với đại chúng thuở đó. Nghe giáo huấn của Phật phải y giáo phụng hành, y giáo phụng hành tức là làm được, “học mà thường làm được”, chúng ta mới được lợi ích chân thật. Cho nên, kinh không phải để cho chúng ta tụng, tụng chỉ là phương pháp để ghi nhớ, quan trọng là ở làm được. Làm được là gì? Biến lời dạy đó thành hành vi đời sống của chính chúng ta, biến thành kiến giải, tư tưởng của chính chúng ta, điều này mới là quan trọng.

Ngày nay mọi người chúng ta xem Phật thành thần linh, sai rồi, Phật không phải thần, Phật là người. Về cách xưng hô phải thật rõ ràng, chúng ta gọi Thích-ca Mâu-ni Phật là “Bổn sư”, là vị thầy căn bản, chúng ta tự xưng là đệ tử, quan hệ của chúng ta với Thích-ca Mâu-ni Phật là gì? Quan hệ thầy trò. Trong tôn giáo không có quan hệ thầy trò, Phật pháp không phải tôn giáo, học trò chúng ta sau này chẳng ra gì, biến Phật pháp thành tôn giáo, có lỗi với ngài, đây chính là tội lỗi. Lịch sử Phật giáo biến thành tôn giáo ở Trung Quốc rất ngắn, thầy Lý từng bảo tôi là không vượt quá 300 năm. Lịch sử chép rằng đến thời Càn Long, Gia Khánh vẫn chưa biến đổi, các đạo tràng của Phật giáo, tự viện am đường đều dạy học, đều lên lớp, cho nên tự viện am đường là trường học, không liên quan đến chùa miếu. Vì thế nhà Phật gọi là tự (chùa), tự không phải miếu, miếu là của tôn giáo, là nơi thờ thần, nhà Phật không gọi là miếu, nhà Phật gọi là tự. Tự là gì? Tự là cơ quan làm việc của chính phủ, cơ cấu do hoàng thượng trực tiếp quản thì gọi là tự. Ngày nay nếu các bạn có dịp đến Bắc Kinh, vào Cố Cung xem thử, bạn sẽ thấy trong Cố Cung có rất nhiều cơ cấu làm việc, tấm biển treo ở đó đều dùng chữ “tự”. Cho nên Phật giáo gọi là tự, do hoàng

thượng trực tiếp quản, là giáo dục của Phật-đà. Từ Hán Minh Đế trở về sau, Trung Quốc có hai hệ thống giáo dục, một cái là giáo dục của nhà Nho, do tể tướng quản, cơ cấu này gọi là Bộ lễ, Bộ lễ là Bộ giáo dục, thượng thư Bộ lễ chính là bộ trưởng giáo dục; tự là giáo dục của Phật giáo, thời đó ngôi tự đầu tiên là Bạch Mã tự, kỷ niệm bạch mã, bạch mã chở tượng Phật, chở kinh sách có công, người Trung Quốc nhân hậu, đối với súc sanh cũng không quên, nó có công với Phật, cho nên dùng tên của nó đặt là Bạch Mã tự. Đây là giáo dục của Phật-đà, giáo dục của Phật-đà do hoàng thượng quản, không do tể tướng quản.

Bạn xem, hệ thống này kéo dài mãi đến đầu triều Thanh: Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, đến Gia Khánh, họ đối với Nho, Thích, Đạo đều hạ công phu thật sự. Giáo trình giảng kinh trong cung đình đều nằm trong Tứ Khố, tôi đọc Tứ Khố, thường lật ra xem, xem thử lúc bấy giờ trong cung đình giảng thế nào, đều có cả, giảng nghĩa đều còn. Đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng, cho nên giảng nghĩa của Phật giáo không đặt trong Tứ Khố, mà ở Đại tạng kinh, đặc biệt biên soạn riêng một bộ Đại tạng kinh. Đạo giáo thì ở Tứ Khố, Nho và Đạo đều ở Tứ Khố, chỉ có Phật giáo là ngoại lệ, đây là đặc biệt tôn trọng Phật giáo. Ngày nay chúng ta có sứ mệnh, thật sự làm đệ tử Phật, phải khôi phục Phật giáo trở về với giáo dục, cho nên chúng ta gọi là giáo dục Phật-đà. Gọi là Phật giáo thì mọi người sẽ hiểu lầm, cho rằng Phật giáo là tôn giáo, chúng ta thêm hai chữ, đây là bắt buộc dĩ gọi là giáo dục Phật-đà. Phải thật làm, chúng ta mỗi ngày cùng nhau học tập, đây không phải mê tín. Hiện nay biến thành thế nào? Người học tập quá ít, kẻ mượn danh nghĩa Phật giáo để làm ăn thì quá nhiều. Việc này chúng ta cũng không cần nói nữa, đừng nhắc đến nữa, tự mình hết lòng nỗ lực làm là được. Nhất định phải tìm chí đồng đạo hợp, làm ra hy sinh phụng hiến, làm đệ tử chân thật của Như Lai, làm người truyền pháp của Như Lai, sứ mệnh này, công đức này không thể nghĩ bàn. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây.